

SAFETY JOGGER
INDUSTRIAL

Light

ECOMORRIS S1P LOW S1 PS

ECOMORRIS

Giày bảo h ộ **S1P thân** thiệu i **môi** t ớg

Giày an toàn ECOMORRIS có **Chúng tôi** rõ ràng: bảo v ệ cả đôi và mỗi ờn g t! **Chúng tôi** đạt đư ợc điều này bằn dụng g các 100% vật l iệu **tái** ch ế , chẳn g hạn như phần **trên tái** ch ế và đế ngoài i các tính năng an toàn siêu nh ữ không thấ và mũi giày an toàn bằn g nanocarbon.

CO₂
8.64 kg



BLK

Những vật liệu cao cấp hơ kim (100% tái chế)	
lót bên trong	i tái chế lướ
trong	Đ ệm chân SJ làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế)
iữa	đế g i không dệt và chống thủng
ngoài	Đ BASF PU dựa trên BIO
u	Đứng đầ Nanocarbon
i	Loạ S1 PS / SR, FO, ESD
	Phạm vi kích thước EU 35-48 / UK 3.0-13.0 / US 3.0-13.5 JPN 21.5-31.5 / KOR 230-315
ng lượng thép	0.450 kg
ẩn hóa u chu	ASTM F2413:2018 EN ISO 20345:2022

CE · ESD · 3FIT SYSTEM · NESKRID



Phần **trên thoáng khí**
Tăng độ ẩm và kiểm soát nhiệt độ cơ thể giúp bạn lâu hơn.



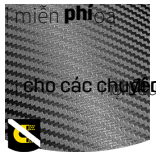
X
ESD cung cấp khả năng xả năng lượng tĩnh điện có kiểm soát có thể làm hỏng các bộ phận điện tử và ngăn ngừa do tích điện. 100 KiloOhm và 100 MegaOhm.



(SR) Chống t
dây SRA/SRB/SRC. SR có nghĩa là phép thử tiên và phòng và dã



Mũi giày an toàn bằng **nano-carbon**
Vật liệu công nghệ cao siêu nhẹ, kim l



Kim l
Giày an toàn không có giày an toàn thông thường. Chúng cũng



& nhiên
ê ngoài có l khả năng và nhiên

Công nghiệp **n:**
Biên t ập , lĩnh vự c ô tô, Ngành công n g nhiệp , hậ

ường: **Môi** t
r ờn g ẩm, Bề mặt cự c mịn , b ề mặt ẩm **ướt**

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằng phương pháp **cách** hàng nhiệt độ **Không** trên lò s

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20345**	ết quả	đơn vị **đo** lường
Những vật liệu **kim** loại **100% tái** chế) **cao** cấp hơn				
	Top: khả năng hấp thụ năng lượng	? 0.8	39.96	mJ/mg/cm/g
	Top: hiệu suất sốc cơ	? 15	320	mg/cm2
ót bên trong		**tái** chế		
	Lớp lót: hấp thụ năng lượng	? 2	50.38	mJ/mg/cm/g
	lót: hiệu suất sốc cơ	? 20	403	mg/cm2
rong	Đ ệm **chân SJ làm** t ừ **mút tái** chế **(96%** vật liệu **tái** chế)			
	ệm chân Đ	Chống mài mòn (khô/ướt) (chu kỳ)	25600/12800	Dry 25600 cycles/Wet 12800 cycles	chu kỳ
goài	Đ	**BASF PU** dựa **trên BIO**			
	Chống mài mòn đế ngoài (| mài mòn)	? 150	91mm³ (Density:0.45g/cm³)	mm
	Chư ống trơ gót bản - Ceramic + NaLS - Trư ớt gót v ề phía t		? 0.31	0.34	ma sát
	r Cột cống bằng G ốm + NaLS - Trư ớt lùi v ề phía t		? 0.36	0.37	ma sát
	r Cột SR G t m + Glycerin - Trư ớt gót phía t		? 0.19	0.22	ma sát
	Chư ống trơ SR G ốm + Glycerin - Tư ớt v ề phía t		? 0.22	0.24	ma sát
	ị ch ống Giá t tĩnh điệ n		0.1 - 1000	Dry:52.4 Wet:22.3	megaohm
	ị ESD Giá t		0.1 - 100	6.1	megaohm
	Hấp thụ năng l ợng gót chân củ		? 20	28	J
Đ ứ n g đầ	**Nanocarbon**				
	Mũi giày an toàn ch ống va đập (khoảng cách sau va đập 100J)		N/A	N/A	mm
	Mũi bảo h ộ ch ống nén (khoảng h ở sau khi nén 10kN)		N/A	N/A	mm
	Mũi giày an toàn ch ống va đập (khoảng cách sau va đập 200J)		? 14	15.5	mm
	Mũi giày an toàn ch ống nén (khoảng h ở sau khi nén 15kN)		? 14	20.0	mm

kích thước thép: 42

a chúng tôi không có ý thức và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản từ

hân sinh thái:

	Sự **miêu** t ả	ết quả	đơn vị **đo** lường
i CO phát thả			
	V ật liệu	4.20	kg
	Bao bì	0.12	kg
	ất Sản x u	3.80	kg
	Chuyên ch ở	0.51	kg
		8.64 kg CO2/ cặp	

	Sự **miêu** t ả	ết quả	K
ệ vật l Tiệ **tái** chế			
	Product	28%	
	Bao bì	99%	

Tính toán CO2:
ị được làm tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán [illegible] Giầy đổi.

SAFETY JOGGER WORKS
HEAD-TO-TOE PROTECTION
ENGINEERED IN EUROPE
www.safetyjogger.com